

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
Bà Thái Việt Anh	Thành viên
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/5/2017)
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 3/7/2017, miễn nhiệm ngày 08/02/2018)
Ông Phùng Việt Long	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 08/02/2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/4/2017)
Ông Đào Việt Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Nguyễn Việt Anh

Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2018

Số: 028 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí

Chúng tôi kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07 tháng 03 năm 2018 từ trang 04 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, một số khoản phải thu chưa xác nhận được với số tiền là 3.153.866.529 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến công nợ phải thu và các khoản mục có liên quan (nếu có) trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí phát sinh liên quan đến Dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11/03/2015 với số tiền là 4.686.717.816 VND được trình bày vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 với số tiền lần lượt là 4.686.717.816 VND và 3.099.145.211 VND. Theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015. Theo đó, nếu hạch toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015 thì khoản mục "Lũy kế đến cuối năm trước" và khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng/giảm đi cùng một số tiền là 3.099.145.211 VND.

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-61) 382 8560
Fax: (84-61) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655
Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” và khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2016 bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác với tổng số tiền lần lượt là 2.436.814.995 VND và 2.486.814.995 VND đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được các khoản phải thu đã quá hạn nói trên và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Chúng tôi không thể xác định được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản dự phòng cần trích lập hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ý kiến báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác số 725/VN1A-HN-BC đề ngày 27/03/2017 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Ngày 07 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

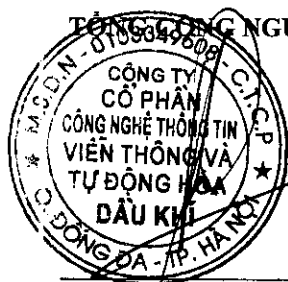
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.363.596.762	50.474.662.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.894.019.818	13.939.379.311
1. Tiền	111		10.494.019.818	6.939.379.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.400.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.900.000.000	19.900.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	19.900.000.000	19.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.005.605.786	15.918.776.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	17.928.534.054	11.163.404.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		253.000.000	2.603.553.350
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.688.481.865	4.016.228.957
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.864.410.133)	(1.864.410.133)
IV. Hàng tồn kho	140		157.028.235	105.278.819
1. Hàng tồn kho	141	10	157.028.235	105.278.819
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		406.942.923	611.227.696
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	319.888.383	529.895.126
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	87.054.540	81.332.570
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.402.868.881	6.514.387.485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		766.240.360	97.518.053
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	766.240.360	97.518.053
II. Tài sản cố định	220		417.176.777	609.012.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	417.176.777	609.012.883
- Nguyên giá	222		6.185.131.612	6.323.805.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.767.954.835)	(5.714.792.918)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		278.663.000	576.586.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(278.663.000)	(576.586.085)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.099.145.211	4.648.717.816
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.099.145.211	4.648.717.816
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.120.306.533	1.159.138.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.120.306.533	1.159.138.733
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		61.766.465.643	56.989.050.102

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.640.300.873	13.004.167.453
I. Nợ ngắn hạn	310		16.640.300.873	13.004.167.453
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.460.683.790	7.596.577.517
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		109.364.360	2.252.601.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	583.599.093	513.736.351
4. Phải trả người lao động	314		1.325.574.414	758.881.806
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	881.400.000	928.985.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	670.738.084
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		274.878.540	255.057.241
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.800.676	27.589.454
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.126.164.770	43.984.882.649
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	45.126.164.770	43.984.882.649
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		693.848.548	693.848.548
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.630.816.083	489.533.962
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		133.666.075	(3.069.144.922)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.497.150.008	3.558.678.884
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		61.766.465.643	56.989.050.102



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
				Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	74.615.979.672	80.042.530.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		74.615.979.672	80.042.530.846
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	21	57.317.951.810	63.196.618.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.298.027.862	16.845.912.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.674.323.333	1.110.530.808
7. Chi phí tài chính	22		49.408.207	10.318.896
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.408.207	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.643.867.765	1.577.123.595
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	13.340.959.304	12.223.682.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.938.115.919	4.145.318.782
11. Thu nhập khác	31		22.445.455	404.545.456
12. Chi phí khác	32		1.632.899.090	7.412.506
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.610.453.635)	397.132.950
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.327.662.284	4.542.451.732
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	830.512.276	983.772.848
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.497.150.008	3.558.678.884
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	353	756



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	01	2.327.662.285	4.542.451.732
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	263.786.106	165.061.205
- Các khoản dự phòng	03	-	(682.522.667)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.674.323.333)	(1.510.530.808)
- Chi phí lãi vay	06	49.408.207	
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	966.533.265	2.514.459.462
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(3.705.168.600)	8.535.971.299
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(51.749.416)	6.200.336.584
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.916.058.253	(6.564.476.121)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	248.838.943	(535.509.446)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.128.756)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(542.355.177)	(969.094.689)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(378.656.666)	(104.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(591.628.154)	9.077.687.089
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(71.950.000)	(678.236.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	400.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(26.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.900.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.618.218.661	908.957.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.546.268.661	(19.269.279.298)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.954.640.507	(10.191.592.209)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.939.379.311	24.130.971.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.894.019.818	13.939.379.311



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 9 năm 2014.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 88 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera); Các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng vi tính, thiết bị viễn thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu; Tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thăm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty. Doanh thu và số dư giữa đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản kỳ quỹ.

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước dịch vụ bảo hành: Chi phí dịch vụ bảo hành phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bảo hành;
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng: Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng;
- Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho diện tích văn phòng, mặt bằng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn khác : Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bản quyền phục vụ dịch vụ mail hosting được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải	3-6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và phần mềm quản lý công văn tài liệu được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng trong vòng 2 – 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của công ty. Việc tính khấu hao của tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	246.660.917	348.038.355
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	10.247.358.901	6.586.777.067
Tiền mặt đang chuyển	-	4.563.889
Các khoản tương đương tiền (ii)	6.400.000.000	7.000.000.000
Cộng	16.894.019.818	13.939.379.311

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng với số tiền là 235.454.784 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 135.969.150 VND). Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội. Một số hợp đồng được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.900.000.000	19.900.000.000	19.900.000.000	19.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.900.000.000 VND (tại 31 tháng 12 năm 2016 là 1.900.000.000 VND) là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.928.534.054	11.163.404.617
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.608.520.616	2.364.394.932
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	1.082.151.324	3.382.743.647
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh	1.289.456.395	1.289.456.395
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình sơn	1.088.200.760	860.052.766
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (ii)	790.746.600	840.746.600
Công ty CP Thương mại Dầu khí	-	95.574.500
Công ty Công nghệ thông tin điện lực Hà Nội	565.400.000	-
-TCT điện lực Tp Hà Nội	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	890.000.000	-
-Trung tâm hỗ trợ Bán hàng Miền Trung	-	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	345.858.000	-
Chi nhánh phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	275.000.000	-
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Các đối tượng khác	7.128.790.225	466.025.643
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	95.574.500
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>		

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng “ Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc” là 1.864.410.134 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền là 1.864.410.134 VND.
- (ii) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex – PVC theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 840.746.600 VND và 790.746.600 VND đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nêu trên nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	2.688.481.865	-	4.016.228.957	-
- Tạm ứng cho nhân viên	464.517.565	-	937.909.300	-
- Ký cược, ký quỹ (i)	900.000	-	1.100.139.648	-
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	1.646.068.395	-	1.646.068.395	-
- Phải thu khác	576.995.905	-	332.111.614	-
<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh 29)</i>	95.574.500	-	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	766.240.360	-	97.518.053	-
- Ký cược, ký quỹ (i)	766.240.360	-	31.174.000	-
- Phải thu khác	-	-	66.344.053	-
Cộng	3.454.722.225	-	4.113.747.010	-

Ghi chú:

- (i) Là các khoản ký quỹ ký cược bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 03 năm 2015 là 1.646.068.395 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
Cộng	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	157.028.235	-	105.278.819	-
Cộng	157.028.235	-	105.278.819	583.599.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	319.888.383	529.895.126
Chi phí thuê văn phòng	136.983.420	345.668.400
Chi phí thuê mặt bằng	94.307.763	91.508.726
Chi phí bảo hiểm	88.597.200	92.718.000
b) Dài hạn	1.120.306.533	1.159.138.733
Chi phí trả trước dịch vụ bảo hành	951.711.000	931.342.900
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	59.649.700	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	108.945.833	227.795.833

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.649.033.717	1.557.872.728	116.899.356	6.323.805.801
Mua trong năm	71.950.000	-	-	71.950.000
Phân loại lại (i)	(210.624.189)	-	-	(210.624.189)
Số dư cuối năm	4.510.359.528	1.557.872.728	116.899.356	6.185.131.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Số dư đầu năm	4.605.217.804	992.675.758	116.899.356	5.714.792.918
Khấu hao trong năm	37.707.318	226.078.788	-	263.786.106
Phân loại lại (i)	(210.624.189)	-	-	(210.624.189)
Số dư cuối năm	4.432.300.933	1.218.754.546	116.899.356	5.767.954.835
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	43.815.913	565.196.970	-	609.012.883
Số dư cuối năm	78.058.595	339.118.182	-	417.176.777

Ghi chú:

(i) Phân loại lại một số tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị có nguyên giá dưới 30 triệu VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.518.539.437 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 5.590.489.437 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm các loại VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	576.586.085	576.586.085
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý trong năm	(297.923.085)	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>278.663.000</u>	<u>278.663.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	576.586.085	576.586.085
- Khấu hao trong năm	-	-
- Thanh lý trong năm	(297.923.085)	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>278.663.000</u>	<u>278.663.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 278.663.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 576.586.085 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí không được duyệt quyết toán theo QĐ số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 03 năm 2015 là 5.165.242.018 VND.

Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó:

- (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 VND
- (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 VND thuộc trách nhiệm chung của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn đang theo dõi phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 3.099.145.211 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.460.683.790	11.460.683.790	7.596.577.517	7.596.577.517
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	2.055.000.000	2.055.000.000	216.000.000	216.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp thiết bị BHVN	1.649.200.000	1.649.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Tích hợp Hạ tầng Nam Trường Sơn	2.661.717.640	2.661.717.640	-	-
Liên hiệp Khoa học Sản xuất Công nghệ Cao Viễn thông-Tin học(HTI)	-	-	1.354.526.065	1.354.526.065
Công ty TNHH Công nghệ Tân Hưng	231.000.000	231.000.000	755.400.000	755.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phần mềm SDIC	125.000.000	125.000.000	618.300.000	618.300.000
Công ty TNHH TERAPOWER	926.882.647	926.882.647	-	-
Các đối tượng khác	3.811.883.503	3.811.883.503	4.652.351.452	4.652.351.452
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)	-	-	413.229.024	413.229.024

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ phải thu trong năm	Số đã thực nộp/ thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a, Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	245.752.891	2.876.612.032	3.102.659.101	19.705.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.466.995	830.512.276	542.355.177	538.624.094
Thuế thu nhập cá nhân	17.516.465	147.064.444	139.311.732	25.269.177
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	513.736.351	3.858.188.752	3.788.326.010	583.599.093
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	81.332.570	5.721.970	-	87.054.540
Cộng	81.332.570	5.721.970	-	87.054.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án Lam Kinh (i)	250.100.000	250.100.000
Tạm tính khối lượng hoàn thành dự án công thông tin PVN	-	221.000.000
Phí tư vấn cho dự án xi măng Công Thanh (ii)	150.000.000	150.000.000
Tạm tính chi phí tổ chức khóa học kỹ năng giao tiếp và tiếng Anh (iii)	330.000.000	-
Chi phí trích trước khác	151.300.000	307.885.400
Cộng	881.400.000	928.985.400

Ghi chú:

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là chi phí thi công và chi phí khác chưa được nghiệm thu quyết toán liên quan đến dự án cung cấp lắp đặt hệ thống điện nhẹ phục vụ công trình khách sạn Lam Kinh Thanh Hóa phát sinh từ năm 2010. Hiện nay dự án đã nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chủ đầu tư chưa quyết toán tổng thể
- (ii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản trích trước chi phí tư vấn liên quan đến dự án cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế hệ thống nước cấp và khí nén thuộc gói thầu CP8, dự án Nhà máy Xi măng Công Thanh, Thanh Hóa với CN dự án đây chuyên 2 Nhà máy Xi măng Công Thanh - Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh. Dự án đã được nghiệm thu tổng thể tháng 09 năm 2017.
- (iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là chi phí tổ chức khóa học “kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp” và “tiếng Anh công sở” với Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư vấn giáo dục Việt Úc.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Cuối năm</u>		<u>Phát sinh</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo hợp đồng số 0020/2017/HỢPĐDNH-PN/SHB.110205 ngày 25 tháng 10 năm 2017 với hạn mức tín dụng 4.000.000.000 VND, lãi suất 7.1%, kỳ hạn 58 ngày. Khoản vay được thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội với tổng giá trị 6.400.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.352.900.000	693.848.548	448.600.139	(2.957.624.456)	40.537.724.231
Lãi trong năm	-	-	-	3.558.678.884	3.558.678.884
Phân phối các quỹ	-	-	-	(111.520.466)	(111.520.466)
Số dư đầu năm nay	42.352.900.000	693.848.548	448.600.139	489.533.962	43.984.882.649
Lãi trong năm	-	-	-	1.497.150.008	1.497.150.008
Phân phối các quỹ (i)	-	-	-	(355.867.887)	(355.867.887)
Số dư cuối năm nay	42.352.900.000	693.848.548	448.600.139	1.630.816.083	45.126.164.770

Ghi chú:

- (i) Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 14.360.545 VND và 341.507.342 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty số 146/NQ/PAIC-DHĐCĐ ngày 12 tháng 05 năm 2017.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	4,235,290	4,235,290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	4,235,290	4,235,290
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần		

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 09 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh lần 9		Vốn đã góp	
	VND	%	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85%	21.960.000.000	21.960.000.000
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà Nước	5.761.200.000	13,60%	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90%	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85%	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí _ CTCP	3.600.000.000	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30%	973.600.000	973.600.000
Tổng cộng	42.352.900.000	100%	42.352.900.000	42.352.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.046.175.407	35.097.253.536
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.569.804.265	44.945.277.310
Cộng	74.615.979.672	80.042.530.846
<i>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	477.872.500	522.497.500

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.127.763.031	32.975.100.221
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.190.188.779	30.221.517.852
Cộng	57.317.951.810	63.196.618.073

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.674.323.333	1.110.530.808
Cộng	1.674.323.333	1.110.530.808

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	6.316.349.701	5.597.256.326
Chi phí đồ dùng văn phòng	156.808.479	565.057.487
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.078.788	134.855.753
Thuế, phí và lệ phí	37.118.602	34.970.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.498.352.866	4.713.420.999
Chi phí dự phòng	-	(682.522.667)
Các khoản chi phí QLDN khác	2.106.250.868	1.860.644.062
Cộng	13.340.959.304	12.223.682.308
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	918.364.196	758.867.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.707.318	30.205.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.690.000	1.000.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	673.106.251	787.050.387
Cộng	1.643.867.765	1.577.123.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.808.479	124.458.917
Chi phí nhân công	14.912.856.334	14.677.215.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.786.106	165.061.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.076.681.383	19.883.932.486
Chi phí khác bằng tiền	12.816.632.962	17.632.037.066
Cộng	44.226.765.264	52.482.705.470

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	830.512.276	950.772.848
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	33.000.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	830.512.276	983.772.848

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.327.662.284	4.542.451.732
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.824.899.090	211.412.506
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.824.899.090	211.412.506
Tổng thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh	4.152.561.374	4.753.864.238
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	830.512.276	950.772.848

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	Trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.497.150.008	3.558.678.884
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	-	355.867.887
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.497.150.008	3.202.810.997
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.235.290	4.235.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	353	756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	2.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.894.019.818	13.939.379.311
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	45.126.164.770	43.984.882.649
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.894.019.818	13.939.379.311	16.894.019.818	13.939.379.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.751.705.786	12.281.427.846	18.751.705.786	12.281.427.846
Các khoản ký quỹ	767.140.360	1.131.313.648	767.140.360	1.131.313.648
Tổng cộng	56.312.865.964	47.252.120.805	56.312.865.964	47.252.120.805
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	11.735.562.330	7.851.634.758	11.735.562.330	7.851.634.758
Chi phí phải trả	881.400.000	928.985.400	881.400.000	928.985.400
Tổng cộng	14.616.962.330	8.780.620.158	14.616.962.330	8.780.620.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về thị trường, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán ngoại tệ trong tương lai. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phát sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.894.019.818	-	16.894.019.818
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.751.705.786	-	18.751.705.786
Các khoản ký quỹ	900.000	766.240.360	767.140.360
Tổng cộng	55.546.625.604	766.240.360	56.312.865.964
Tại 31/12/2017			
Các khoản vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.735.562.330	-	11.735.562.330
Chi phí phải trả	881.400.000	-	881.400.000
Tổng cộng	14.616.962.330	-	14.616.962.330
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.929.663.274	766.240.360	41.695.903.634
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.939.379.311	-	13.939.379.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.281.427.846	-	12.281.427.846
Các khoản ký quỹ	1.100.139.648	31.174.000	1.131.313.648
Tổng cộng	47.220.946.805	31.174.000	47.252.120.805
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.851.634.758	-	7.851.634.758
Tổng cộng	8.780.620.158	-	8.780.620.158
Chênh lệch thanh khoản thuần	38.440.326.647	31.174.000	38.471.500.647

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 645 m² văn phòng tại tầng 17, tòa nhà cao ốc văn phòng ICON4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2012 theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01/HĐ-TTCOM/PAIC, điều chỉnh thành 501 m² từ ngày 01/03/2017 và phụ lục số 01/PL/HĐ-TTCOM/PAIC ngày 12 tháng 01 năm 2017 với thời hạn thuê đến 22 tháng 07 năm 2020.

- Tổng số tiền thuê 267,827 m² văn phòng tại tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 theo Hợp đồng thuê văn phòng số 37/PETECHIM-PAIC/2016 ký ngày 01/06/2016 và Biên bản thanh lý Hợp đồng trước hạn Hợp đồng thuê nói trên ngày 27/02/2017. Theo đó thời gian thuê văn phòng tại đây kết thúc vào ngày 28 tháng 02 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên quan</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Công ty mẹ Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty có các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	1.209.972.500	522.497.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	477.872.500	522.497.500
Mua hàng hóa, dịch vụ	211.425.885	1.110.290.416
Công ty Cổ phần thương mại Dầu Khí	211.425.885	1.110.290.416

Trong năm, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	-	95.574.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	95.574.500
Phải thu khác	95.574.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	95.574.500	-
Phải trả cho người bán	-	413.229.024
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	413.229.024

Thu nhập của Ban Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Giám Đốc	725.488.750	1.007.191.964

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn bao gồm số tiền lần lượt là 235.454.784 VND và 1.900.000.000 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá các khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành,
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác.



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lan
Kê toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

